

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-7-2021

“*V/v Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Kim Hồng.

2. Bà Mai Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2021/QĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Th, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: thôn Côi Thượng, xã Phạm Trán, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: thôn Đò, xã Đoàn Thượng, huyện GiL, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Tiến T, sinh năm 1983

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Côi Thượng, xã Phạm Trán, huyện GiL, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đoàn Thị Th trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị và anh Vũ Tiến T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phạm Trấn, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, nợ nần làm ảnh hưởng đến gia đình. Bố mẹ anh T đã tìm cách để trả nợ cho anh T, chị cũng đã tha thứ cho anh T. Đến tháng 5/2014, do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, chị đã nhất trí để anh T sang Đài Loan xuất khẩu lao động, còn mẹ con chị ở lại chung sống cùng bố mẹ anh T. Từ khi đi xuất khẩu lao động, anh T có gửi tiền về cho chị nuôi con được 2 năm, đến cuối năm 2016 thì không gửi tiền về nữa. Đến đầu năm 2017, chị mới biết anh T đã lại tiếp tục chơi bời và còn có nhiều chuyện ngoài lề khác nên vợ chồng đã xảy ra tranh cãi. Ngày 01/6/2018, chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Đò, xã Đoàn Thượng, huyện GiL, tỉnh Hải Dương sinh sống. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng chị, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2018, anh T về nước, vợ chồng chị đã cùng ngồi lại để tìm cách khắc phục mâu thuẫn, tuy nhiên vẫn không thể tìm được tiếng nói chung. Chị đã làm đơn ly hôn đưa cho anh T ký nhưng sau đó anh T lại tiếp tục sang Đài Loan nên chưa làm thủ tục ly hôn được. Kể từ khi anh T quay lại Đài Loan, đến nay anh T không gửi tiền về phụ cấp cho mẹ con chị nữa và hơn 1 năm nay cũng không liên lạc gì với 3 mẹ con chị. Hiện nay, anh T đang cư trú, sinh sống và làm ăn tại Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có hai con chung là Vũ Hải N, sinh ngày 25/12/2007 và Vũ Quốc V, sinh ngày 24/12/2013. Hiện nay, hai con đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Vũ Tiến T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng có tài sản chung, có nợ chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án do chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình anh T, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh T. Ông Vũ TA và bà Đỗ Thị B là bố mẹ đẻ anh T xác định, anh T hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T

nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh T thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Theo ông TA và bà B cung cấp thì sau khi kết hôn vợ chồng anh T và chị Th sống hạnh phúc với nhau được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh T chơi bời, nợ nần nhiều làm ảnh hưởng đến gia đình, vợ con. Ông bà cũng đã tìm cách trả nợ cho anh T. Đến tháng 5/2014, anh T sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Được một thời gian đến đầu năm 2017, ông bà được biết anh T lại tiếp tục lao vào con đường cờ bạc, lô đề và tiếp tục nợ nần. Đến tháng 6/2018, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị Th đã đưa hai con về nhà ông bà ngoại sinh sống tại thôn Đò, xã Đoàn Thượng, huyện GiL, tỉnh Hải Dương, còn anh T vẫn ở lại Đài Loan. Đến năm 2019, anh T có về nước nhưng hai vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn nên anh T chỉ ở lại một tháng rồi lại đi sang Đài Loan làm ăn. Kể từ đó đến nay anh T vẫn chưa về nước. Việc chị Th làm đơn xin ly hôn với anh T, ông bà cũng đã thông báo cho anh T biết. Quan điểm của anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Ông TA và bà B xác định vợ chồng chị Th, anh T có 02 con chung là Vũ Hải N, sinh ngày 25/12/2007 và Vũ Quốc V, sinh ngày 24/12/2013, hiện nay hai cháu đang ở cùng chị Th và ông bà ngoại. Anh T có trao đổi với ông bà là nhất trí để chị Th tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th. Vợ chồng anh T, chị Th có tài sản chung, có nợ chung, nhưng không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị Th được ly hôn anh Vũ Tiến T;

- Về con chung: Giao con chung là Vũ Hải N, sinh ngày 25/12/2007 và Vũ Quốc V, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con;

- Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đoàn Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Vũ Tiến T. Anh T hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Th, anh T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Th và anh Vũ Tiến T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phạm Trán, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/01/2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Thông qua gia đình, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị Th và anh T đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là Vũ Hải N, sinh ngày 25/12/2007 và Vũ Quốc V, sinh ngày 24/12/2013. Hiện hai cháu đang ở với chị Th và ông bà ngoại. Xét thực tế, anh T đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Đoàn Thị Th được ly hôn anh Vũ Tiến T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Vũ Hải N, sinh ngày 25/12/2007 và Vũ Quốc V, sinh ngày 24/12/2013, thời gian từ tháng 7/2021 đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đoàn Thị Th không yêu cầu anh Vũ Tiến T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Vũ Tiến T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Đoàn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005828 ngày 05/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Vũ Tiến T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Phạm Trấn, huyện GiL,
tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa